TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2025/DS-PT
Ngày: 17 - 3 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Nam.

Các thẩm phán:

1. Bà Lê Thị Thu Trang;

2. Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Gọn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 697/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2025/QĐ-PT, ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Minh T, sinh năm: 1978.
Địa chỉ: ấp Cẩm Long, xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- *Đại diện theo uỷ quyền:* bà Lê Nguyễn Kim H, sinh năm: 1973
Địa chỉ: ấp Long Bình, xã Long Thành Nam, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh. (có mặt).
- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị Phương L, sinh năm:1970 và ông Trần Thanh K, sinh năm: 1968.
Địa chỉ: ấp Cẩm Long, xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. (bà L có mặt, ông K vắng mặt).

Người kháng cáo: bà Huỳnh Thị Phương L và ông Trần Thanh K, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo uỷ quyền của anh T trình bày: Vào ngày 30/4/2021 bà L và ông K có vay của anh T số tiền 320.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 4%/tháng, hai bên thoả thuận đến 100 ngày thì bên bà L và ông K phải trả lãi và vốn, nhưng đến hẹn bên bà L và ông K không trả vốn mà có trả lãi được số tiền 75.000.000 đồng vào ngày 12/10/2021. Khi vay bên bà L và ông K có thế chấp cho anh T 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 998836 do UBND huyện Gò Dầu cấp ngày 07/3/2008 cho ông Trần Thanh K và bà Huỳnh Thị Phương L đứng tên; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 998837 do UBND huyện Gò Dầu cấp ngày 07/3/2008 cho ông Trần Thanh K và bà Huỳnh Thị Phương L đứng tên; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 994110 do UBND huyện Gò Dầu cấp ngày 07/01/2008 cho ông Trần Thanh K và bà Huỳnh Thị Phương L đứng tên. Anh T có đến gặp bà L và ông K nhiều lần yêu cầu bà L và ông K trả số tiền nêu trên nhưng bà L và ông K cứ hẹn mà không trả.

Nay anh T yêu cầu bà L và ông K có nghĩa vụ trả số tiền gốc 320.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 30/4/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án và khấu trừ số tiền lãi 75.000.000 đồng còn lại tiền lãi thì bà L và ông K có nghĩa vụ trả lãi và vốn. Anh T đồng ý trả 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà L và ông K.

Bị đơn bà L trình bày: Vào năm 2021 ngày tháng nào không nhớ bà có vay của anh T số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng mỗi ngày là 5000 đồng, bà trả lãi đến ngày tháng năm nào không nhớ nhưng sau đó thì ngưng trả lãi nên đến ngày 30/4/2021 thì anh T gút sổ lại cả vốn và lãi thì anh T buộc bà ghi giấy nợ số tiền 320.000.000 đồng, sau khi ghi giấy nợ thì bà có trả cho anh T tiền lãi đến ngày 12/10/2021 được số tiền lãi là 595.501.000 đồng, thì ngưng trả lãi luôn cho đến nay. Khi vay có thế chấp cho anh T 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 998836 do UBND huyện Gò Dầu cấp ngày 07/3/2008 cho ông Trần Thanh K và bà Huỳnh Thị Phương L đứng tên; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 998837 do UBND huyện Gò Dầu cấp ngày 07/3/2008 cho ông Trần Thanh K và bà Huỳnh Thị Phương L đứng tên; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 994110 do UBND huyện Gò Dầu cấp ngày 07/01/2008 cho ông Trần Thanh K và bà Huỳnh Thị Phương L đứng tên; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00192/202/2008/HĐ-CN(HL) do UBND huyện Gò Dầu cấp ngày 25/8/2008 cho ông Trần Thanh K và bà Huỳnh Thị Phương L đứng tên. Thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ghi giấy tờ gì cả. Việc vay mượn tiền giữa bà với anh T chồng bà là ông K không biết nhưng mục đích bà vay tiền của anh T là để làm ăn xoay sở cho gia đình, khi anh T đến đòi nợ thì ông K có yêu cầu anh T tính lại tiền lãi để ông K cùng bà trả nợ nhưng anh T không đồng ý.

Nay bà đồng ý trả vốn 150.000.000 đồng và tiền tạm tính từ tháng 11/2021 đến tháng 7/2024 là 80.000.000 đồng, nhưng bên anh T đã nhận lãi của bà vượt mức quy định của pháp luật tổng số tiền anh T nhận là 595.501.000 đồng nên khấu trừ với tiền nợ của anh T thì anh T có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền 365.501.000 đồng. Anh T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã nêu trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2024/DS-ST, ngày 30 tháng 8 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T đối với bà Huỳnh Thị Phương L và ông Trần Thanh K.

Buộc bà Huỳnh Thị Phương L và ông Trần Thanh K có nghĩa vụ trả cho anh Lê Minh T số tiền 457.480.000 đồng (Bốn trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Buộc anh Lê Minh T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Phương L và ông Trần Thanh K 03 (ba) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 998836 do UBND huyện Gò Dầu cấp ngày 07/3/2008 cho ông Trần Thanh K và bà Huỳnh Thị Phương L đứng tên; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 998837 do UBND huyện Gò Dầu cấp ngày 07/3/2008 cho ông Trần Thanh K và bà Huỳnh Thị Phương L đứng tên; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 994110 do UBND huyện Gò Dầu cấp ngày 07/01/2008 cho ông Trần Thanh K và bà Huỳnh Thị Phương L đứng tên.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Phương L đối với anh Lê Minh T.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 11 - 9 - 2024, bà Huỳnh Thị Phương L và ông Trần Thanh K kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông K không đồng ý liên đới cùng với bà L trả nợ cho anh T vì theo ông K đây là nợ riêng của bà L; bà L không đồng ý trả cho anh T số nợ gốc 320.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả cho anh T số tiền 150.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K có đơn đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện theo uỷ quyền của anh T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà L và ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị Phương L và ông Trần Thanh K để tính lại tiền lãi do cấp sơ thẩm tính lãi suất theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là không chính xác; căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại

phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Huỳnh Thị Phương L và ông Trần Thanh K kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Thanh K và bà Huỳnh Thị Phương L thấy rằng: theo "GIẤY MƯỢN TIỀN" ngày 30 tháng 4 năm 2021 thể hiện bà Huỳnh Thị Phương L có vay của anh Lê Minh T số tiền gốc là 320.000.000 đồng, thời hạn vay là 100 ngày tính từ ngày vay, lãi suất do các bên thoả thuận, số nợ này bà L xác định là vay tiền của anh T để làm ăn xoay sở cho gia đình, khi vay thì ông K không biết, nhưng khi anh T đến đòi nợ thì ông K có biết và yêu cầu anh T tính lại lãi suất để ông K cùng bà L trả tiền cho anh T. Bà L cho rằng chỉ vay số tiền 150.000.000 đồng và đã trả lãi được tổng cộng 595.501.000 đồng nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh cấp sơ thẩm buộc bà L và ông K số tiền gốc cho anh T số tiền gốc là 320.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Phương L là có căn cứ.

[3] Đối với số tiền lãi cấp sơ thẩm cho rằng các bên đương sự có thoả thuận lãi và tính lãi suất 20%/01 năm là không đúng vì mặc dù các bên đương sự có thoả thuận lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn là 10%/01 năm do đó căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự sửa bản án sơ thẩm đối với phần lãi suất, và lãi suất được tính lại như sau: 10%/01 năm là 0,83%/tháng để tính, vậy tiền lãi được tính từ ngày 30/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/8/2024 là 40 tháng x 320.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 106.240.000 đồng – 75.000.000 đồng tiền lãi mà anh T đã nhận của bà L nên còn lại 31.240.000 đồng. Cả vốn và lãi bà L và ông K có nghĩa vụ trả cho anh T là 351.240.000 đồng.

[4] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị Phương L và ông Trần Thanh K sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Cấp sở thẩm không xử lý số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Huỳnh Thị Ngọc L đã nộp là thiếu sót ảnh hưởng đến lợi ích của bà L nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Do sửa bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử xác định lại án phí dân sự sơ thẩm; do yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Phương L và ông Trần Thanh K được chấp nhận một phần nên ông K, bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Thanh K và bà Huỳnh Thị Phương L; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2024/DS-ST, ngày 30 tháng 8 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T đối với bà Huỳnh Thị Phương L và ông Trần Thanh K.

Buộc bà Huỳnh Thị Phương L và ông Trần Thanh K có nghĩa vụ trả cho anh Lê Minh T số tiền 351.240.000 (ba trăm năm mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày 31-8-2024 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Buộc anh Lê Minh T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Phương L và ông Trần Thanh K 03 (ba) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 998836 do UBND huyện Gò Dầu cấp ngày 07/3/2008 cho ông Trần Thanh K và bà Huỳnh Thị Phương L đứng tên; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 998837 do UBND huyện Gò Dầu cấp ngày 07/3/2008 cho ông Trần Thanh K và bà Huỳnh Thị Phương L đứng tên; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 994110 do UBND huyện Gò Dầu cấp ngày 07/01/2008 cho ông Trần Thanh K và bà Huỳnh Thị Phương L đứng tên.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Phương L đối với anh Lê Minh T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Bà Huỳnh Thị Phương L và ông Trần Thanh K phải chịu 17.562.000 (mười bảy triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (đối với phần nghĩa vụ phải trả tiền cho anh T).

3.2 Bà Huỳnh Thị Phương L phải chịu 18.275.000 (mười tám triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà L đã nộp 13.910.000 (mười ba triệu chín trăm mười nghìn) đồng theo biên lai thu số 0014358 ngày 08/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, bà L còn phải nộp 4.365.000 (bốn triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

3.3 Hoàn trả cho anh Lê Minh T 8.000.000 (tám triệu) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014286 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Huỳnh Thị Phương L và ông Trần Thanh K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Phương L và ông Trần Thanh K 300.000 (ba trăm nghìn) đồng số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà L, ông K đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0014401 ngày 11 tháng 9 năm 2024.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nam